

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

Về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Giáp Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số G đường T, khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông G Thanh Tú quen biết nhau qua sự giới thiệu của người lớn, tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân. Hai bên tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 28/4/2021 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T. Sau khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng bà không sống chung, mỗi người sống một nơi. Bà về sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn L, xã C, huyện T còn ông T vẫn tiếp tục sống tại nhà riêng ở

khu phố E, phường M, thành phố P - T. Khoảng một năm đầu tiên thì vợ chồng vẫn hạnh phúc, càng về sau ông T càng lạnh nhạt, thờ ơ, vô tâm không quan tâm đến vợ con. Bà có than phiền nhưng ông T vẫn thờ ơ trước những lời nói của bà. Bà có đề nghị ly hôn nhưng ông T không đồng ý và cho rằng không làm gì trái với luật Hôn nhân gia đình, có nhiều lời phản bác lập dị, không chịu thay đổi. Bà thấy cuộc sống hôn nhân quá bế tắc, không còn lối thoát. Bà đã nhiều lần hỏi chồng về việc không lẽ phân đòir còn lại mỗi tháng ông T chu cấp 2.000.000 đồng tiền nuôi con, vợ chồng tiếp tục sống mỗi người một nơi nhưng ông T vẫn giữ thái độ im lặng, không một lời hứa hẹn để thay đổi cuộc sống hôn nhân. Nay bà đã không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Giáp Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Giáp Quế Đ, sinh ngày 05/10/2021. Hiện tại buổi sáng bà có kiot kinh doanh tại chợ, buổi trưa bà may quần áo tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 7 - 8 triệu đồng. Từ khi sinh ra đến nay cháu Đ ở với bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Đ cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Giáp Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Giáp Thanh T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị H quen biết nhau qua sự giới thiệu của người lớn, tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân. Hai bên tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 28/4/2021 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi kết hôn, bà H mang thai nên vợ chồng không sống chung, bà H về sống tại nhà mẹ đẻ tại thôn L, xã C, huyện T, ông vẫn tiếp tục sống tại nhà riêng tại khu phố E, phường M, thành phố P - T. Trong thời gian này ông cũng thường xuyên về nhà ngoại để thăm vợ. Từ đó đến nay, ông và bà H1 vẫn sống riêng, mỗi người sống một nơi. Trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, xung đột gì nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân, do vợ chồng không sống cùng nhau, bà H không thực hiện đúng đạo làm vợ và bổn phận làm dâu, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Khi ốm đau cũng không biết, không ai quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc nhau. Ông có nhiều lần yêu cầu bà H dọn về sống chung nhưng bà H đưa ra nhiều lý do để từ chối. Nay bà H yêu cầu được ly hôn, ông không đồng ý với yêu cầu này vì giữa ông và bà H không có mâu thuẫn gì, vợ chồng chưa có thời gian nào sống cùng nhau, ông vẫn còn tình cảm và muốn xây dựng cuộc sống gia đình với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Giáp Quế Đ, sinh ngày 05/10/2021. Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu Đ sống với bà H tại thôn L, xã C. Hàng tháng ông có gửi tiền cho bà H để phụ vợ chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông đồng ý giao cháu Đ cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Giáp Thanh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Giáp Thanh T có địa chỉ cư trú ở phường M, thành phố P - T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Giáp Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 28/4/2021, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị H xin ly hôn với ông Giáp Thanh T với lý do từ khi kết hôn vào năm 2021 cho đến nay, vợ chồng bà không sống cùng nhau. Bà H sống tại nhà mẹ đẻ tại thôn L, xã C, huyện T; ông T vẫn sống tại nhà riêng ở khu phố E, phường M, thành phố P - T. Cuộc sống vợ chồng tuy không xảy ra mâu thuẫn, xích mích gì nhưng không hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Bà H đã từng đề nghị ly hôn nhưng ông T không đồng ý. Nay bà đã không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T.

Ông T thừa nhận lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân là đúng, từ khi kết hôn đến nay vợ chồng chưa có thời gian nào sống cùng nhau. Ông cho rằng cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, xung đột gì nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do bà H không thực hiện đúng đạo làm vợ, bổn phận làm dâu, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Từ khi kết hôn vào năm 2021 đến thời điểm hiện tại đã hơn 04 năm nhưng bà H và ông T không sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự thấu hiểu, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà H và ông T đã có khoảng thời gian dài để hàn gắn tình cảm, nhưng cả hai vẫn không trở về sống chung để chăm sóc, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nuôi dưỡng con chung. Bản thân bà H đã hết tình cảm nên cương quyết yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Giáp Quế Đ, sinh ngày 05/10/2021. Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu Đ sống với bà H tại thôn L, xã C, huyện T. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông T đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Bà H có nghề nghiệp, có thu nhập đủ khả năng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Giáp Q Đan cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Giáp Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Giáp Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Giáp Quế Đ, sinh ngày 05/10/2021.

Ông Giáp Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001121 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận (*Bà Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm*).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường Mỹ Hải;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Dung

